

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **69/2021/DS-ST**

Ngày: 30/12/2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
mua bán tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tài

2. Ông Lê Mộng Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2021/TLST-DS ngày 26/10/2021 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phan Thị Mỹ Linh, sinh năm 1982. ĐKTT: số 70, đường số 6, khu H P3, phường TP, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Cư trú: số 176/1, ấp AB, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của chị Linh là chị Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp QT, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1973. Cùng cư trú: Số 103/3, ấp A KA, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thái B, sinh năm 1977. Cư trú: số 176/1, ấp AB, xã Ah, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của anh B là chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp QT, xã QĐ, huyện Thanh P, tỉnh Bến Tre.

(Chị Thảo Ng, ông H, bà NHCùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16/10/2021, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 20/12/2021 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị Mỹ L là chị Nguyễn Thị Thảo N trình bày:

Vào đầu tháng 3/2017 ông Võ Văn H, bà Phạm Thị N có đến cửa hàng của chị Phan Thị Mỹ L để thỏa thuận mua thuốc, thức ăn nuôi tôm công nghiệp. Hai bên thỏa thuận, chị L sẽ cung cấp thuốc thức ăn theo yêu cầu của ông Võ Văn H, bà Phạm Thị N cam kết thanh toán đủ tiền thuốc thức ăn cho chị L khi thu hoạch tôm xong.

Chị Linh bắt đầu giao đầy đủ số lượng thuốc thức ăn theo yêu cầu cho ông Võ Văn H, bà Phạm Thị N từ ngày 27/3/2017 đến 19/01/2021, mỗi lần giao hàng thì ông H, bà N hoặc người đứng ao sẽ ký nhận vào hóa đơn.

Tuy nhiên sau khi thu hoạch và bán tôm xong thì ông H, bà N không chịu thanh toán công nợ còn lại tính đến ngày 01/02/2021 là 565.285.650 đồng.

Nay chị N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Võ Văn H và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị Mỹ L số tiền 602.820.617 đồng. Trong đó nợ gốc 565.285.650 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/02/2021 đến ngày 03/10/2021 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 37.534.967 đồng.

Tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn H và bà Phạm Thị N vắng mặt nhưng tại đơn yêu cầu ngày 01/11/2021, biên bản hòa giải ngày 09/12/2021 bị đơn ông H, bà N trình bày:

Ông H, bà N thừa nhận còn nợ chị Phan Thị Mỹ L số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm là 565.285.650 đồng nhưng đến nay chưa trả cho chị L. Ông, bà đồng ý trả số tiền này cho chị L nhưng xin trả dần nhiều lần đến khi hết nợ.

Còn về số tiền lãi ông, bà không đồng ý trả do hoàn cảnh khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Võ Văn H, bà Phạm Thị N theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về thủ tục tố tụng: đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thái B là chị Nguyễn Thị Thảo N, ông Võ Văn H, bà Phạm Thị N có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L với bị đơn ông Võ Văn H, bà Phạm Thị N được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung: Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Võ Văn H, bà Phạm Thị N đã thừa nhận hiện nay ông H, bà N còn nợ chị Phan Thị Mỹ L số tiền vốn là 565.285.650 (Năm trăm sáu mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng. Ông H và bà N đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền nợ gốc này nhưng xin được trả dần và không đồng ý trả mức lãi do hoàn cảnh khó khăn.

Xét thấy ông Võ Văn H, bà Phạm Thị N đã thừa nhận còn nợ chị Phan Thị Mỹ L số tiền nợ gốc 565.285.650 (Năm trăm sáu mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc nên yêu cầu tính lãi của chị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L buộc ông Võ Văn H, bà Phạm Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 602.820.617 (Sáu trăm lẻ hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn, sáu trăm mười bảy) đồng.

Xét yêu cầu xin trả dần của ông H, bà N không được chị L đồng ý nên Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông Hải, bà Nhớ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông H, bà N phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L. Buộc ông Võ Văn H, bà Phạm Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 602.820.617 (Sáu trăm lẻ hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn, sáu trăm mười bảy) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn H, bà Phạm Thị N có nghĩa vụ liên đới nộp: 28.112.824 (Hai mươi tám triệu, một trăm mười hai nghìn, tám trăm hai mươi bốn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Chị Phan Thị Mỹ L được Chi cục thi hành án dân sự huyện Phòan trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.057.000 (Mười bốn triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002871, ngày 25/10/2021.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết